

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2018

V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Nguyễn Anh Dũng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Đức và bà Trần Thị Ngo
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân – Bình Thuận.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Kim Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị C - sinh năm 1972 (có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã S, huyện H, Bình Thuận.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc S – sinh năm 1972 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã S, huyện H, Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc S tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 1995 đến năm 2002 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H (cũ). Trong quá trình sống chung thì anh, chị sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên đã bỏ nhà đi một thời gian, sau đó lại trở về sống chung với nhau nhưng được mấy tháng sau thì anh S tiếp tục bỏ vợ con đi sinh sống nơi khác. Nay tình cảm của chị với anh S không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1995, Nguyễn Văn T, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 24/8/2012, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn H và yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ vì chị đã nuôi cháu H từ nhỏ đến nay và thu nhập của chị chỉ được khoảng 4 – 5 triệu đồng/tháng; đối với cháu L và cháu T thì đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin ly hôn vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Ngọc S trình bày:

Trong thời gian vợ chồng sống với nhau thì vì hoàn cảnh gia đình nên anh phải đi làm ăn xa do vậy vợ anh là chị C đã có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, mặc dù đã được con cái can ngăn nhưng chị C vẫn không nghe và tiếp tục ngoại tình nên anh đồng ý ly hôn với chị C.

Trong thời gian sống chung, vợ chồng có ba người chung như chị C đã trình bày, cháu L và cháu T thì đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét, tuy nhiên hiện nay anh đang phải đi làm để kiếm tiền nuôi cháu T ăn học ở Hà Nội; đối với cháu Nguyễn Văn H hiện còn nhỏ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã tuân theo đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thấy rằng anh Nguyễn Ngọc S và chị Lê Thị C tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H (cũ) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ, chồng không còn tình cảm với nhau nữa và đã có hành vi ngoại tình nên chị C làm đơn xin ly hôn là có cơ sở và anh S cũng đã đồng ý ly hôn nên đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị C. Về con chung, hiện nay chị C đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H, anh S đang đi làm ăn xa nên không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc con nên đề nghị giao con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì tại phiên tòa, chị C đã rút yêu cầu nên đề nghị HĐXX chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: HĐXX thấy rằng đây là tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” được quy định tại

khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Theo lời trình bày của nguyên đơn cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án anh Nguyễn Ngọc S và chị Lê Thị C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H (cũ) năm 2002 đúng quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình sống chung với nhau chị C và anh S xảy ra nhiều mâu thuẫn, trong thời kỳ hôn nhân, theo lời trình bày của chị C thì anh S đã có hành vi ngoại tình và theo lời trình bày của anh S thì chị C cũng đã có quan hệ bất chính với người khác nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh S không có mặt để tiến hành lấy lời khai và H giải nhưng tại đơn xin vắng mặt, anh S cũng đồng ý ly hôn với chị C, do đó lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân là có căn cứ và yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận

[2]. *Về con chung*: Trong quá trình sống chung chị C và anh S có ba người con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1995, Nguyễn Văn T, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 24/8/2012. Hiện nay Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 24/8/2012 thì chị C có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu Nguyễn Văn H đang sinh sống cùng với chị C và chị C là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, anh S phải đi làm ăn xa nên không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên cần giao cháu H cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nhưng tại phiên tòa, chị C không yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện và không trái điều cấm của luật nên HĐXX cần chấp nhận.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 BLTTDS; Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị C.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Ngọc S.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 24/8/2012 cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Lê Thị C.

2. Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu 300.000đồng án phí HNGĐ sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0016668 ngày 22/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

3. Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- THA dân sự huyện Hàm Tân;
- UBND TT Tân Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Dũng